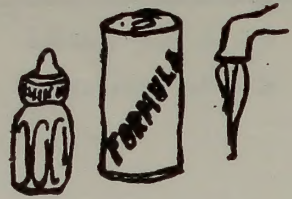


Some things to remember...

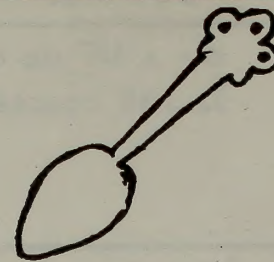
VIET.



Chai sữa của đứa bé chỉ có nước và sữa dinh dưỡng. Nước trái cây nguyên chất.

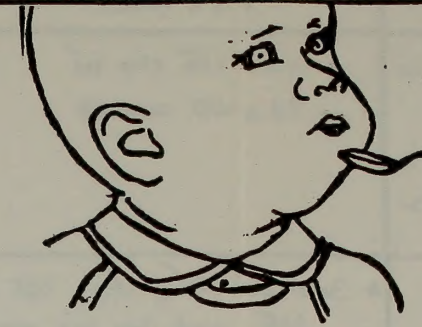


Đừng vội vàng thử các món ăn cùng lúc khởi đầu. Bởi vì người thân của bạn sẽ nghĩ rằng bạn bỏ đói đứa bé. Hãy kiên nhẫn, bạn sẽ là người thắng trận trong cuộc chạy.



Cho ăn bằng loại muỗng đặc biệt dành cho trẻ em.

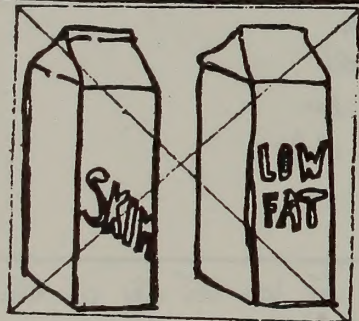
Sự kiên ăn thường đưa đến sự vấn đề thức ăn để trong chai.



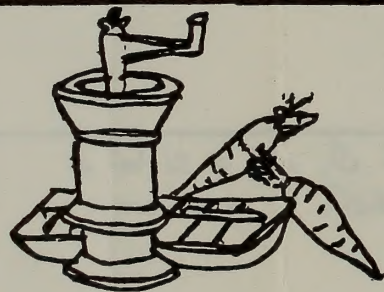
Ăn một thìa đưa bé có ít thức ăn. Bởi thức ăn đã được pha loãng dịu dàng giữa thức ăn với ít sữa mẹ hay nước.

M	T	W	T	F	S	S
	2	3	4	5	6	

Thêm món ăn mới. phải đợi khoảng 5 ngày trước khi thử món khác.
- Có thời gian để đứa bé hòa giải thức ăn.
- Tiều có sự phản ứng. Bạn sẽ biết do thức ăn nào gây nên.



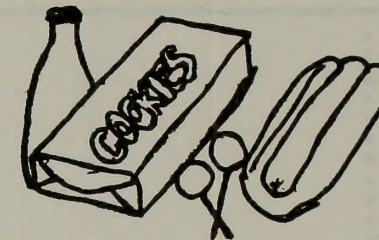
Sữa SKIM hay LOW FAT không thể dùng cho những đứa trẻ dưới 1 tuổi.
* Nó không cung cấp cho đứa bé phát triển.
* Không cung cấp đủ năng lượng cho sự các lớn của đứa bé.



Anti có thể mang đến cho đứa bé những thức ăn bổ dưỡng và rẻ tiền.
* Đường - muối, bé sẽ không được trộn vào thức phẩm dành cho đứa bé.



Tất - rau cải và trái cây
- bạn có thể mua được nhiều hơn với số tiền bạn có.
* Những bữa ăn tối đã được tính toán gồm có nhiều nước và bột dinh dưỡng.
* Ăn tất trộn với rau cải. Nếu, đứa bé thích hơn.



THỰC PHẨM ĐẾN
* Ăn tối.
* Thịt mỡ - ngực - thịt nạc - heo ...
* Kem rau cải.
* Trái cây trắng mềm.
* Bánh ăn trắng mềm, lâu, bánh bột, trứng ...
* Bánh ngọt - kẹo ...
* Nước ngọt.



NHỮNG LOẠI THỰC PHẨM TỐT

* Trái cây.
* Thịt.
* Rau cải.
* Ăn uống.
* Nước trái cây nguyên chất
* Bánh bột quy không có mận
* Gạo
* Tru - mĩ ống
* Ngủ có đã nấu chín.
* bánh mì nướng.
* Ngủ cốc không ngọt.
* Yogurt.
* Phô mai.

INFANT FEEDING GUIDE

Viet.

THÁNG	0 → 4 THÁNG	4 → 6 THÁNG	6 → 8 THÁNG	8 → 10 THÁNG	10 → 12 THÁNG
<p>SỮA MẸ</p> <p>SỮA BÒ CO NHIỀU CHẤT SẮT</p>	<p>5 → 10 LẦN CHO BÚ</p> <p>16 → 32 OUNCES</p> <p>1.oz = 28.350 grs.</p>	<p>4 → 7 LẦN CHO BÚ</p> <p>24 → 40 OUNCES</p>	<p>3 → 4 LẦN CHO BÚ</p> <p>24 → 32 OUNCES</p>	<p>3 → 4 LẦN CHO BÚ</p> <p>16 → 32 OUNCES</p>	<p>3 → 4 LẦN CHO BÚ</p> <p>16 → 24 OUNCES</p>
<p>NGŨ CỐC</p> <p>BÁNH MÌ</p>		<p>* Gạo đã đông hộp, bột lúa trấu mạch hay lúa mạch. pha từ 2 → 3 muỗng cà phê với nước hay sữa mẹ.</p>	<p>* Tất cả các loại ngũ cốc của trẻ sơ sinh đã được đông hộp. Ngũ cốc với trái cây hay mật ong.</p>	<p>* Ngũ cốc dành cho trẻ em dưới 12 tháng. * Bánh mì nướng hay bánh bột quy.</p>	<p>* Bột ngũ cốc dành cho trẻ em, đã nấu chín. * Ngũ cốc không có đường. * Bánh mì. * Gạo. * Nước - mì ống.</p>
<p>NƯỚC TRÁI CÂY</p>		<p>* Nước trái cây dành cho trẻ em dưới 12 tháng. * Nước bôn của người trên tuổi vị thành niên, có chứa sinh tố C.</p>	<p>* Nước trái cây dành cho trẻ em dưới 12 tháng. * Nước bôn của người lớn có chứa sinh tố C. dung ly có dung lượng 4 ounces.</p>	<p>* Nước trái cây nguyên chất cam - cà chua..</p>	<p>* Nước trái cây nguyên chất cam & cà chua.</p>
<p>RAU CẢI</p>			<p>* Rau cải đã chọn lọc hay đã được nghiền nát. ($\frac{1}{2}$ → 1 jar hay $\frac{1}{4}$ → $\frac{1}{2}$ ly 1 ngày)</p>	<p>* Rau cải đã nghiền nát và nấu chín. * Rau cải loại tốt.</p>	<p>* Rau cải đã nấu chín. * Vải loại: - cà rốt - cà chua - dưa chuột.</p>
<p>TRÁI CÂY</p>			<p>* Trái cây tươi hay đã nấu chín: - Chuối nghiền nát. - Nước sốt bôn. * Những loại trái cây đã chọn lọc (1 jar hay $\frac{1}{2}$ ly cho mỗi ngày)</p>	<p>* Trái cây mềm và đã bóc vỏ: chuối - lê - bôn - cam..</p>	<p>* Tất cả các loại trái cây còn tươi đã bóc vỏ hay bỏ hạt.</p>
<p>THỰC PHẨM NHIỀU PROTEIN</p>				<p>* Thịt nạc - gà & cá (đã chọn lọc hay nấu nhỏ). * Lòng đỏ trứng - Yogurt - phô mai. đậu bô - đậu đã nấu chín.</p>	<p>* Cá - thịt - gà (mềm & nhỏ). - trứng - phô mai - Yogurt. - đậu đã nấu chín - bơ đậu.</p>